# Tên đề tài: Xây dựng website bán quần áo

# Môi trường phát triển ứng dụng (dự kiến): php & mysql

# Thông tin về nhóm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | MSSV | Họ và tên | Điện thoại | Email |
| 1 | 15520515 | Nguyễn Hoàng Nam | 0981471595 | [15520515@gm.uit.edu.vn](mailto:15520515@gm.uit.edu.vn) |
| 2 | 15520720 | Nguyễn Xuân Sang | 0932658717 | [15520720@gm.uit.edu.vn](mailto:15520720@gm.uit.edu.vn) |
| 3 | 15520062 | Trương Thị Bích Chi | 0971933292 | [15520062@gm.uit.edu.vn](mailto:15520062@gm.uit.edu.vn) |
| 4 | 14520033 | Phan Việt Anh | 0963213963 | [14520033@gm.uit.edu.vn](mailto:14520033@gm.uit.edu.vn) |

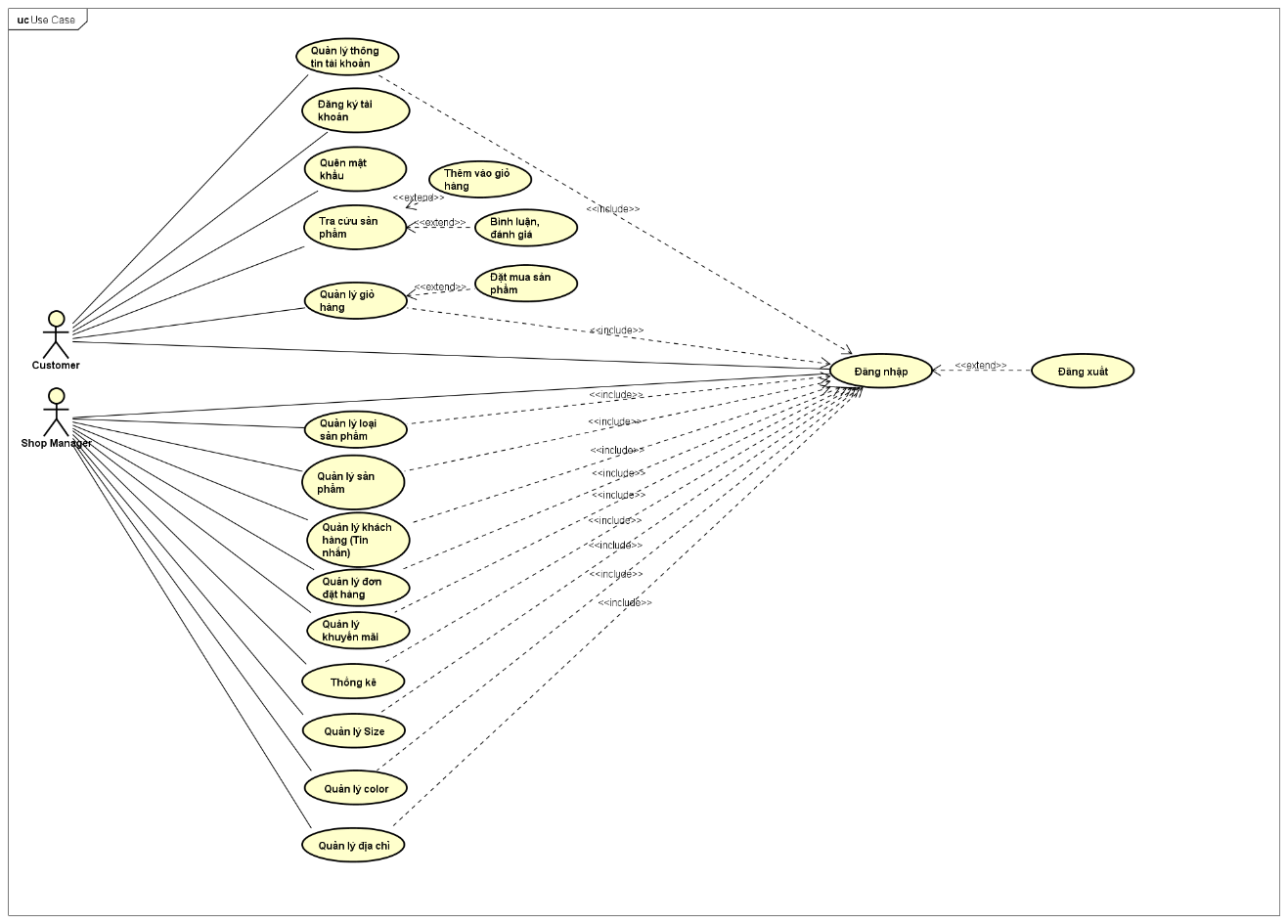
# Bảng phân công công việc:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành viên** | **Công việc** |
| **1** | **Nguyễn Hoàng Nam 15520515** | **Phát biểu bài toán**  **Mô hình tổng quát Use-case**  **Use-case:**  . Thống kê  . Quản lý đơn đặt hàng  . Quản lý khách hàng  . Đăng nhập  . Đăng xuất |
| **2** | **Nguyễn Xuân Sang 15520720** | **Phát biểu bài toán**  **Use-case:**  . Đăng ký tài khoản  . Quên mật khẩu  . Thêm giỏ hàng  . Quản lý giỏ hàng  . Đặt mua sản phẩm |
| **3** | **Trương Thị Bích Chi 15520062** | **Phát biểu bài toán**  **Use-case:**  . Quản lý thông tin tài khoản  . Quản lý địa chỉ  . Quản lý color  . Quản lý Size  . Quản lý loại sản phẩm |
| **4** | **Phan Việt Anh 14520033** | **Phát biểu bài toán**  **Use-case:**  . Quản lý sản phẩm  . Tra cứu sản phẩm  . Bình luận đánh giá  . Quản lý khuyến mãi |

# Phát biểu bài toán

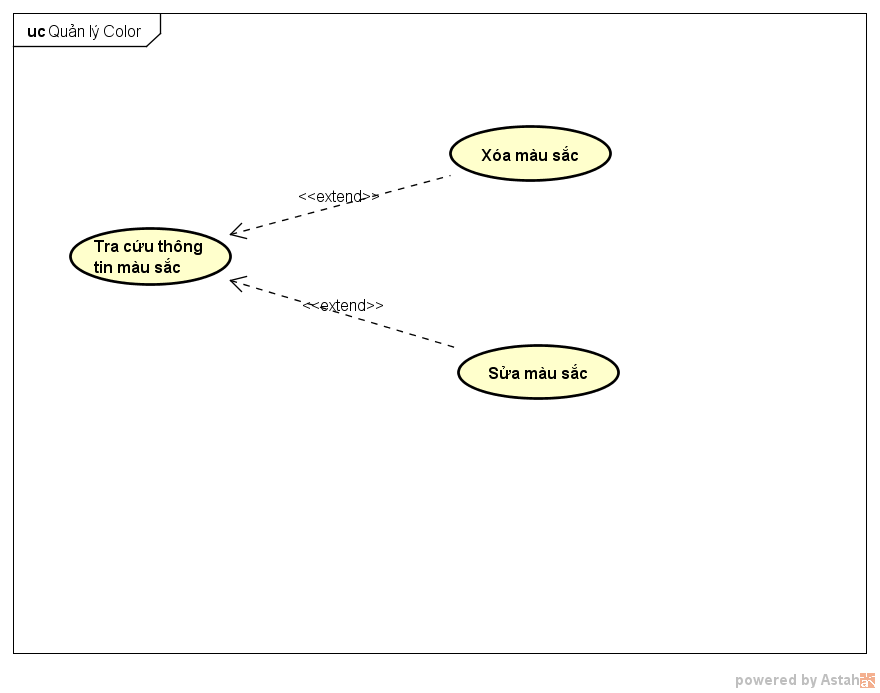
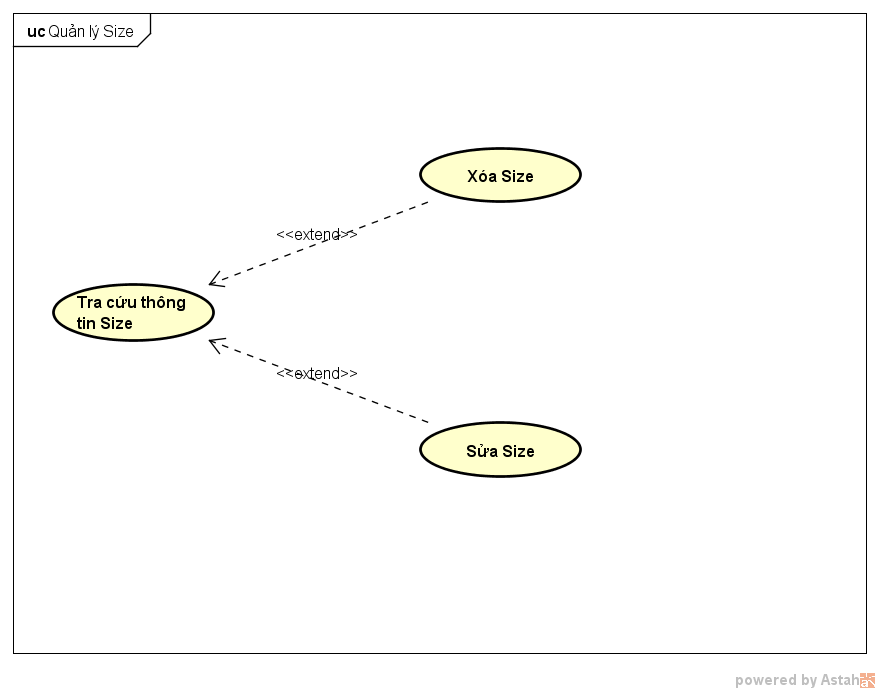
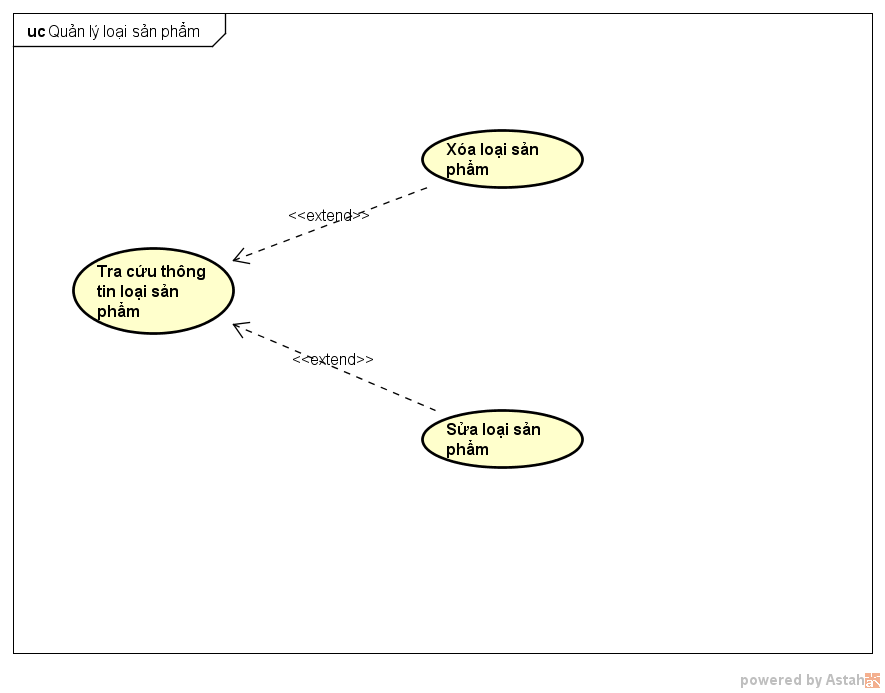
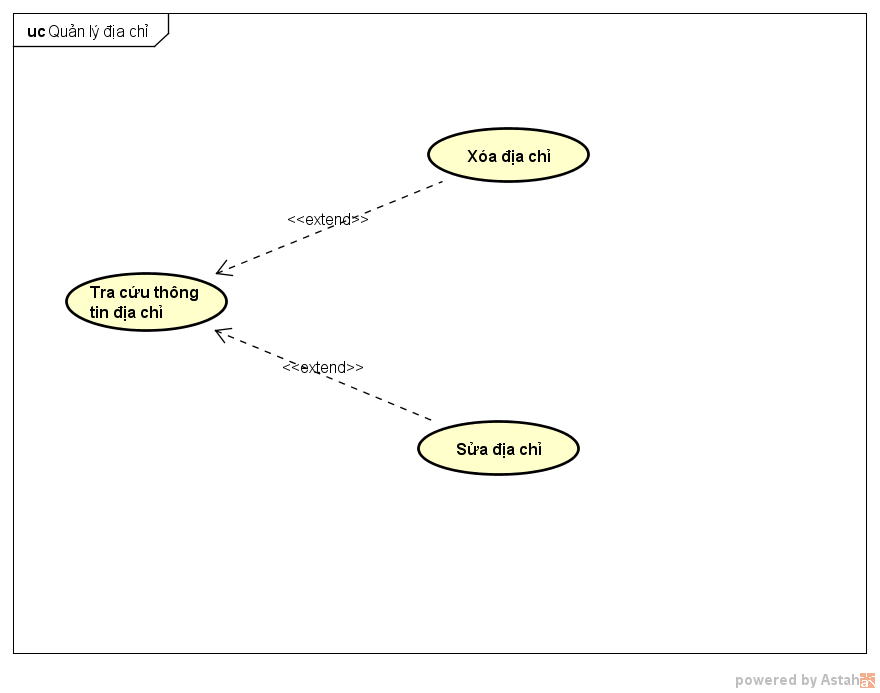
# Mô hình Use-case

## Sơ đồ Use-case









## Danh sách các Actor

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Actor | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Người quản trị | NGười quản trị hệ thống |
| 2 | Khách hàng | Khách hàng của của hàng bán quần áo |

## Danh sách các Use-case

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên Use-case | Ý nghĩa/Ghi chú |
| 1 | Quản lý thông tin tài khoản | Xem và chỉnh sửa thông tin tài khoản |
| 2 | Đăng ký tài khoản | Đăng ký tài khoản mới |
| 3 | Quên mật khẩu | Nhận lại mật khẩu khi quên |
| 4 | Tra cứu sản phẩm | Hiển thị danh sách sản phâm và xem các thông tin chi tiết một sản phẩm và thông tin liên quan |
| 5 | Thêm vào giỏ hàng | Thêm một sản phẩm vào giỏ hàng của tài khoản |
| 6 | Bình luận, đánh giá | Bình luận về sản phẩm và đánh giá số sao cho sản phẩm |
| 7 | Quản lý giỏ hàng | Xem danh sách giỏ hàng của tài khoản, xóa sản phẩm trong giỏ và chỉnh sửa số lượng |
| 8 | Đặt mua sản phẩm | Tiến hành đặt mua và hình thành hóa đơn, quản lý các địa điểm đã đặt giao hàng của tài khoản |
| 9 | Đăng nhập | Đăng nhập vào hệ thống bán hàng |
| 10 | Đăng xuất | Đăng xuất khỏi hệ thống |
| 11 | Quản lý loại sản phẩm | Thêm, xóa, sửa, tra cứu loại sản phẩm |
| 12 | Quản lý sản phẩm | Thêm, xóa, sửa, tra cứu sản phẩm |
| 13 | Quản lý khách hàng | Tra cứu thông tin khách hàng |
| 14 | Quản lý đơn đặt hàng | Tra cứu đơn đặt hàng và xác nhận giao hàng |
| 15 | Quản lý khuyến mãi | Thêm, xóa, sửa, tra cứu khuyến mãi |
| 16 | Thống kê | Thống kê doanh thu, thống kê mặt hàng bán chạy |
| 17 | Quản lý Size | Thêm, xóa, sửa, tra cứu các loại size |
| 18 | Quản lý color | Thêm, xóa, sửa, tra cứu các loại màu sắc |
| 19 | Quản lý địa chỉ | Thêm, xóa, sửa, tra cứu thành phố, huyện, phường xã |

## Đặc tả Use-case và sơ đồ hoạt động (Activity Diagram)

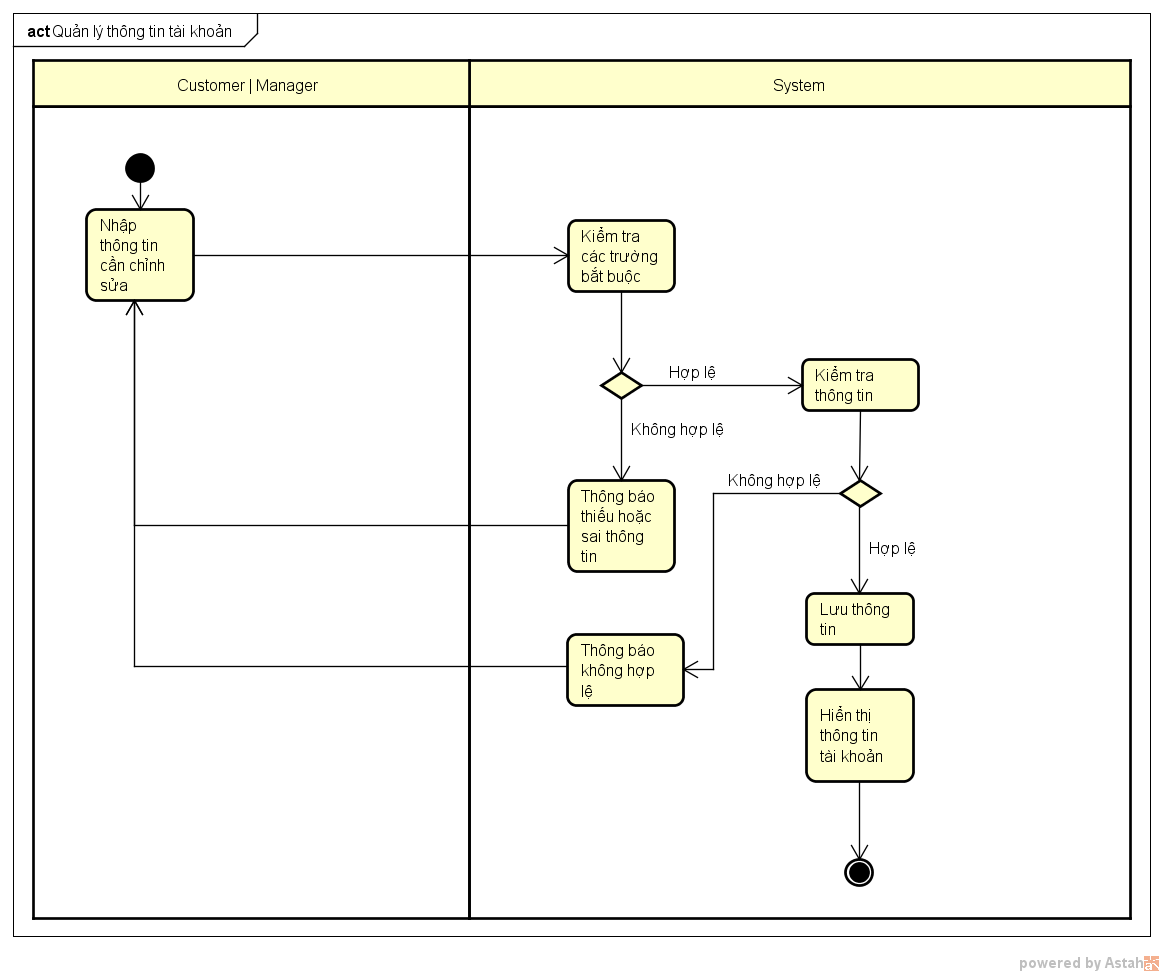
### 4.1 Quản lý thông tin tài khoản

4.1.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: Quản lý hệ thống và khách hàng.

- Quản lý thông tin tài khoản của người dùng.

4.1.2 Dòng sự kiện



4.1.2.1 Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng nhập thông tin tài khoản cần chỉnh sừa (Mật khẩu, tên người dùng, ảnh đại diện, email, mô tả).

- (2) Hệ thống kiểm tra các trường bắt buộc (Mật khẩu, tên người dùng, email).

- (3) Hệ thống kiểm tra thông tin (Kiểm tra lần nửa về: mật khẩu trên 8 ký tự, các trường bắt buộc).

- (4) Hệ thống lưu thông tin tài khoản (Tên tài khoản, mật khẩu, tên người dùng, ảnh đại diện, email, mô tả).

- (5) Hệ thống hiển thị thông tin tài khoản.

4.9.2.2 Dòng sự kiện khác:

- (1) Nếu kiểm tra trường bắt buộc không hợp lệ: Hệ thống thông báo và trở về bước 1.

- (2) Nếu kiểm tra thông tin không hơp lệ: Hệ thống thông báo và trở về bước 1.

4.1.3 Các yêu cầu đặc biệt:

- Người dùng đã đăng nhập thành công.

4.1.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Người dùng truy cập vào chức năng quản lý thông tin tài khoản

4.1.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Chỉnh sửa thành công: Hệ thống cập nhật thông tin xuống cơ sở dữ liệu, hiển thị các dữ liệu đã chình sửa cho người dùng.

- Không thành công: Hệ thống hiển thị thông báo không thành công.

4.1.6 Điểm mở rộng:

Không có

### 4.2 Đăng ký tài khoản

### 4.3 Quên mật khẩu

### 4.4 Tra cứu sản phẩm

### 4.5 Thêm vào giỏ hàng

### 4.6 Bình luận, đánh giá

### 4.7 Quản lý giỏ hàng

### 4.8 Đặt mua sản phẩm

### 4.9 Đăng nhập

4.9.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống và khách hàng.

- Người dùng đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản và mật khẩu.

4.9.2 Dòng sự kiện



4.9.2.1 Dòng sự kiện chính

- (1) Người dùng nhập thông tin đăng nhập và mật khẩu.

- (2) Hệ thống kiểm tra các trường bắt buộc (Tên đăng nhập, mật khẩu).

- (3) Hệ thống kiểm tra thông tin (Kiểm tên đăng nhập và mạt khẩu có khớp với hệ thống không).

- (4) Hệ thống chuyển sang trạng thái đã đăng nhập.

4.9.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Nếu kiểm tra trường bắt buộc không hợp lệ: Hệ thống thông báo và trở về bước 1.

- (2) Nếu kiểm tra thông tin không hơp lệ: Hệ thống thông báo và trở về bước

4.9.3 Các yêu cầu đặc biệt:

- Người dùng phải có tài khoản đăng nhập.

4.9.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Chưa đăng nhập vào hệ thống

4.9.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Đăng nhập thành công: Hệ thống chuyển sang trạng thái đã đăng nhâp.

- Đăng nhập không thành công: Quay lại bước nhập mật khẩu.

4.9.6 Điểm mở rộng:

- Đăng xuất khỏi hệ thống.

### 4.10 Đăng xuất

4.10.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống và khách hàng.

- Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống.

4.10.2 Dòng sự kiện



4.10.2.1 Dòng sự kiện chính

- (1) Người dùng chọn đăng xuất.

- (2) Thoát khỏi hệ thống và trở về trạng thái chưa đăng nhập.

4.10.2.2 Dòng sự kiện khác

- Không có.

4.10.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.

4.10.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống.

4.10.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Thoát khỏi hệ thống và trở về trạng thái chưa đăng nhập.

4.10.6 Điểm mở rộng

- Không có.

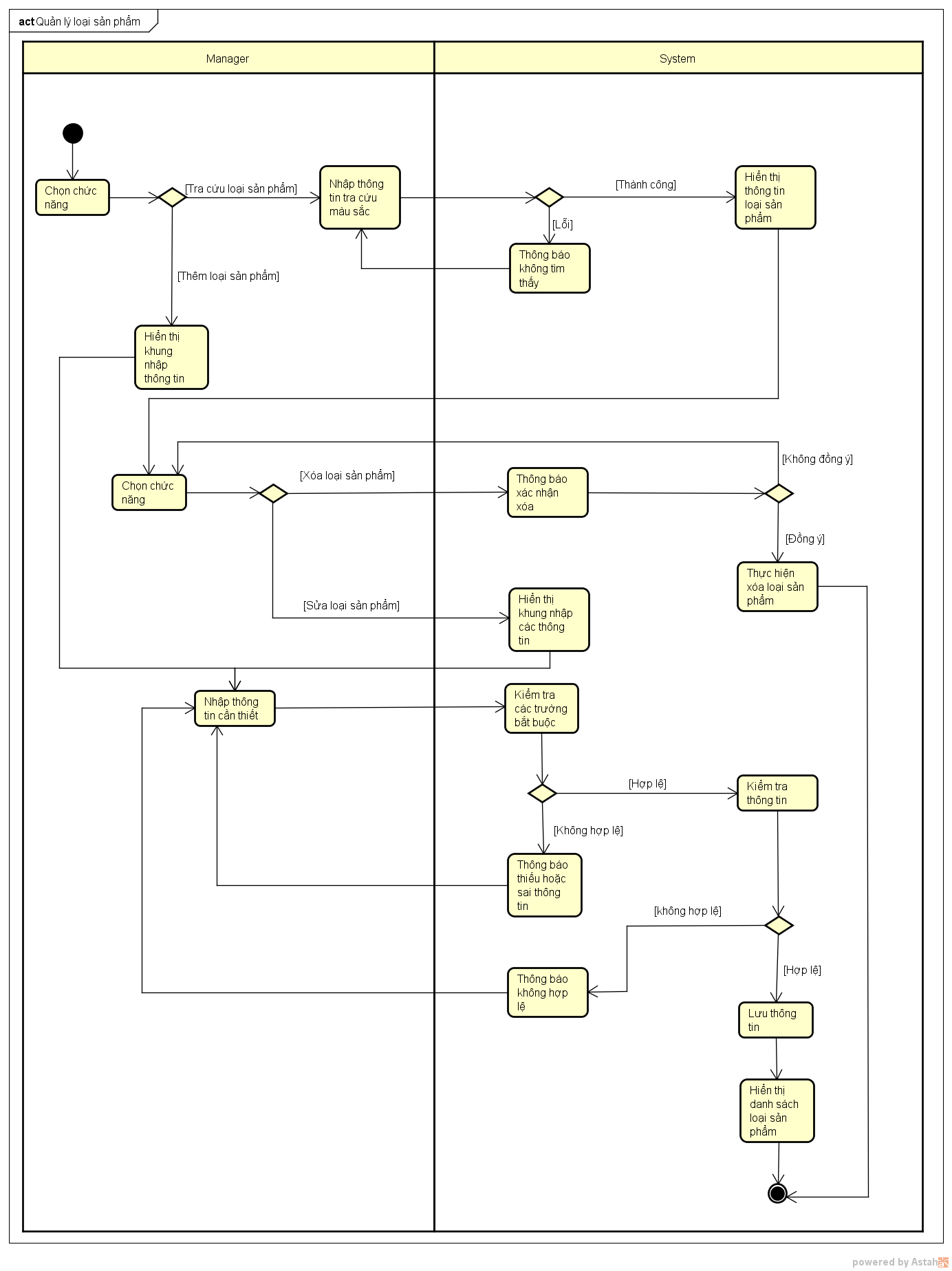
### 4.11 Quản lý loại sản phẩm

4.11.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống.

- Quản lý thông tin loại sản phẩm: tra cứu, thêm, xóa, sửa loại sản phẩm.

4.11.2 Dòng sự kiện:



4.11.2.1 Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng tùy chọn chức năng trên loại sản phẩm:

- (2) Chọn tra cứu thông tin loại sản phẩm:

+ (2.1) Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm (Danh sách loại sản phẩm).

- (3) Chọn xóa loại sản phẩm:

+ (3.1) Người dùng xác nhận xóa loại sản phẩm

+ (3.2) Hệ thống thưc hiện xóa loại sản phẩm khỏi cơ sở dữ liệu (Chuyển trường Isdelete về 1).

- (4) Chọn thêm, sửa thông tin:

+ (4.1) Hệ thống hiển thị khung nhập các thông tin (Mã loại sản phẩm, tên loại sản phẩm, mô tả)

+ (4.2) Người dùng nhập thông tin cần thiết.

+ (4.3) Hệ thống kiểm tra trường bắt buộc (Tên loại sản phẩm).

+ (4.4) Hệ thống kiểm tra thông tin (Tên loại sản phẩm).

+ (4.5) Hệ thống lưu thông tin loại sản phẩm mới hoặc cập nhập thông tin loại sản phẩm (Mã loại sản phẩm, tên loại sản phẩm, mô tả).

+ (4.6) Hệ thống hiển thị danh sách loại sản phẩm.

4.11.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Lỗi khi tìm kiếm thông tin: Thông báo lỗi.

- (2) Không đồng ý xóa loại sản phẩm: Hệ thống trở về chọn chức năng.

- (3) Thông tin nhập không hợp lệ: Hệ thống thông báo và trở về chọn chức năng.

4.11.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Phải đăng nhập thành công với quyền quản lý hệ thống.

4.11.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Truy cập vào chức năng quản lý loại sản phẩm

4.11.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Thông tin được cập nhật xuống cơ sở dữ liệu.

- Nếu thất bại: hiển thị thông báo không thành công cho người dùng.

4.11.6 Điểm mở rộng

- Không có.

### 4.12 Quản lý sản phẩm

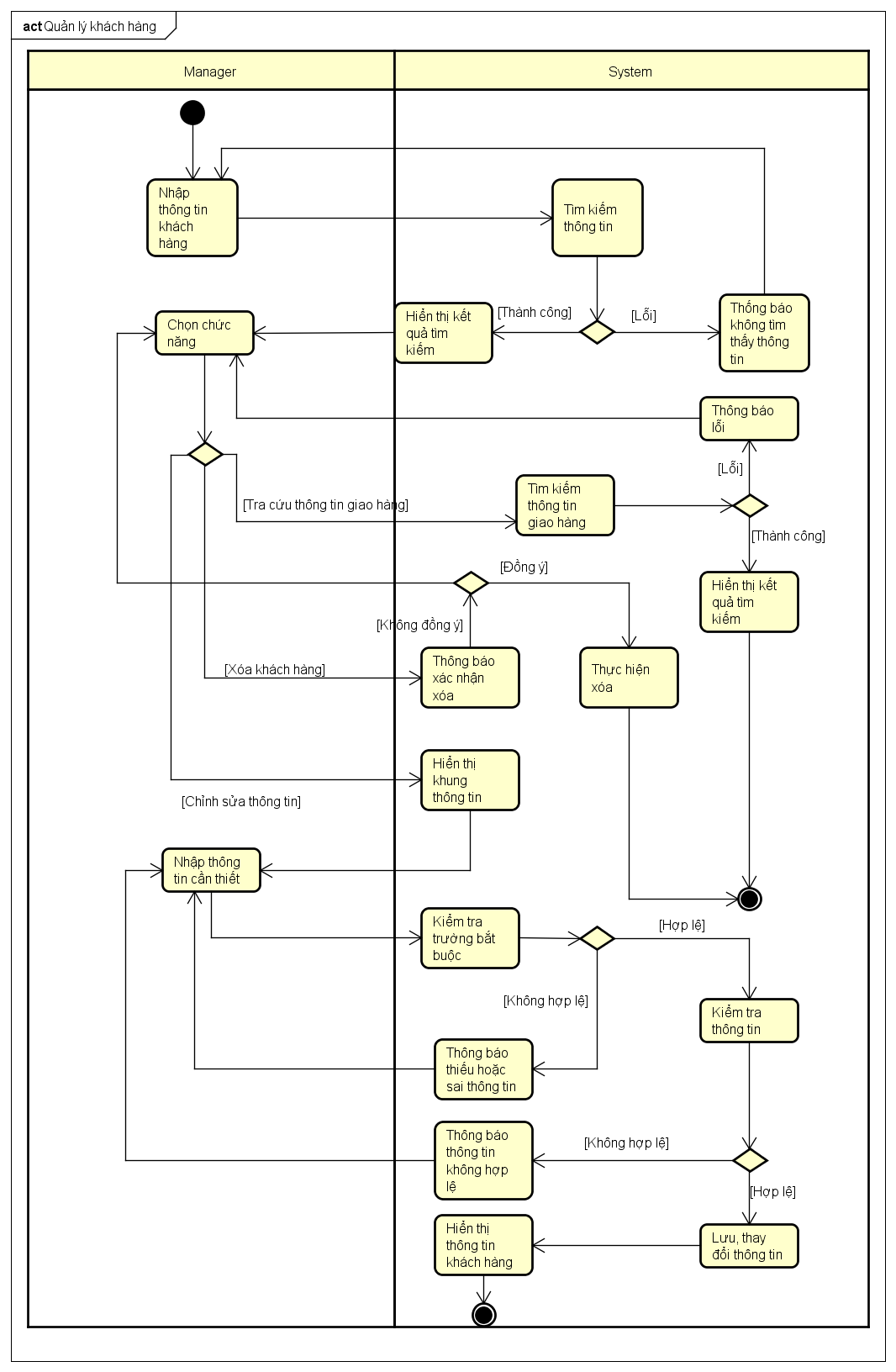
### 4.13 Quản lý khách hàng

4.13.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống.

- Quản lý thông tin và địa điểm giao hàng của khách hàng.

4.13.2 Dòng sự kiện



4.13.2.1 Dòng sự kiện chính

- (1) Người dùng nhập thông tin khách hàng cần tìm kiếm (Tên tài khoản, tên khách hàng).

- (2) Hệ thống tìm kiếm thông tin và hiển thị thông tin danh sách khách hàng.

- (3) Người dùng tùy chọn chức năng trên thông tin khách hàng:

- (4) Chọn tra cứu thông tin giao hàng:

+ (4.1) Hệ thống tìm kiếm thông tin giao hàng của khách hàng được chọn.

+ (4.2) Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm.

- (5) Chọn xóa khách hàng:

+ (5.1) Người dùng xác nhận xóa khách hàng.

+ (5.2) Hệ thống thưc hiện xóa khách hàng khỏi cơ sở dữ liệu.

- (6) Chọn cập nhật thông tin:

+ (6.1) Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng.

+ (6.2) Người dùng nhập thông tin cần thiết.

+ (6.3) Hệ thống kiểm tra trường bắt buộc (Tên khách hàng).

+ (6.4) Hệ thống kiểm tra thông tin (Kiểm tra tồn tại của khách hàng).

+ (6.5) Hệ thống lưu thay đổi thông tin khách hàng (Tên tài khoản, mật khẩu, tên khách hàng, ảnh đại diện, email, mô tả).

4.13.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Lỗi khi tìm kiếm thông tin: Thông báo lỗi.

- (2) Không đồng ý xóa khách hàng: Trở về chọn chức năng.

- (3) Thông tin nhập không hợp lệ: Thông báo và trở về chọn chức năng.

4.13.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Phải đăng nhập thành công với quyền quản lý hệ thống.

4.13.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Truy cập vào chức năng quản lý khách hàng.

4.13.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Thông tin được cập nhật xuống cơ sở dử liệu.

- Nếu thất bại: hiển thị thông báo không thành công cho người dùng.

4.13.6 Điểm mở rộng

- Không có.

### 4.14 Quản lý đơn đặt hàng

4.14.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống.

- Quản lý đơn đặt hàng và quản lý đơn đặt hàng đã xác nhận.

4.14.2 Dòng sự kiện



4.14.2.1 Dòng sự kiện chính

- (1) Người dùng chọn chức năng:

- (2) Tra cứu danh sách đơn đặt hàng.

+ (2.1) Người dùng nhập thông tin đơn đặt hàng cần tra cứu.

+ (2.2) Hệ thống tìm kiếm thông tin danh sách đơn đặt hàng.

+ (2.3) Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt hàng.

+ (2.4) Người dùng chọn chức năng:

(2.4.1) Hủy đơn hàng.

(2.4.2) Xác nhận đơn hàng.

- (3) Tra cứu danh sách đơn đặt hàng đã xác nhận.

+ (3.1) Người dùng nhập thông tin đơn đặt hàng cần tra cứu.

+ (3.2) Hệ thống tìm kiếm thông tin danh sách đơn đặt hàng đã xác nhận.

+ (3.3) Hệ thống hiển thị danh sách đơn đặt hàng.

(3.3.1) Chọn chức năng xóa đơn đặt hàng.

4.14.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Xảy ra lỗi khi tìm kiếm thông tin: Hệ thống thông báo và quay lại bước thực hiện trước đó.

- (2) Người dùng không đồng ý khi xác nhận: Hệ thống quay lại bước thực hiện phía trước.

4.14.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Người dùng phải đăng nhập thành công với quyền quản lý hệ thống.

4.14.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Người dùng truy cập vào chức năng quản lý đơn đặt hàng.

4.14.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Thông tin được cập nhật xuống cơ sở dữ liệu.

- Nếu thất bại: Hệ thống hiển thị thông báo không thành công cho người dùng.

4.14.6 Điểm mở rộng

- Không có.

### 4.15 Quản lý khuyến mãi

### 4.16 Thống kê

4.16.1 Tóm tắt: Thực hiện thống kê doanh thu hoặc 10 mặt hàng bán chạy nhất trong khoảng thời gian do người dùng chọn.

4.16.2 Dòng sự kiện



4.16.2.1 Dòng sự kiện chính

- (1) Người dùng chọn loại thống kê và nhập thông tin cần thiết.

- (2) Hệ thống kiểm tra các trường bắt buộc và thông tin (Thời gian thống kê).

- (3) Hệ thống tìm kiếm thông tin theo khoản thời gian.

- (4) Hệ thống xử lý thông tin và hiển thị thông tin trực quan dưới dạng biểu đồ và bảng cho người dùng.

4.16.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Hệ thống kiểm tra không hợp lệ: thông báo lỗi và quay lại bước trước đó.

- (2) Hệ thống phất hiện có lỗi: quay lại bước chọn và nhập thông tin.

4.16.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Người dùng phải đăng nhập thành công với quyền quản lý hệ thống.

4.16.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Người dùng truy cập vào chức năng thống kê.

4.16.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Hệ thống hiển thị biểu đồ thống kê và danh sách cho người dùng.

4.16.6 Điểm mở rộng

- Không có.

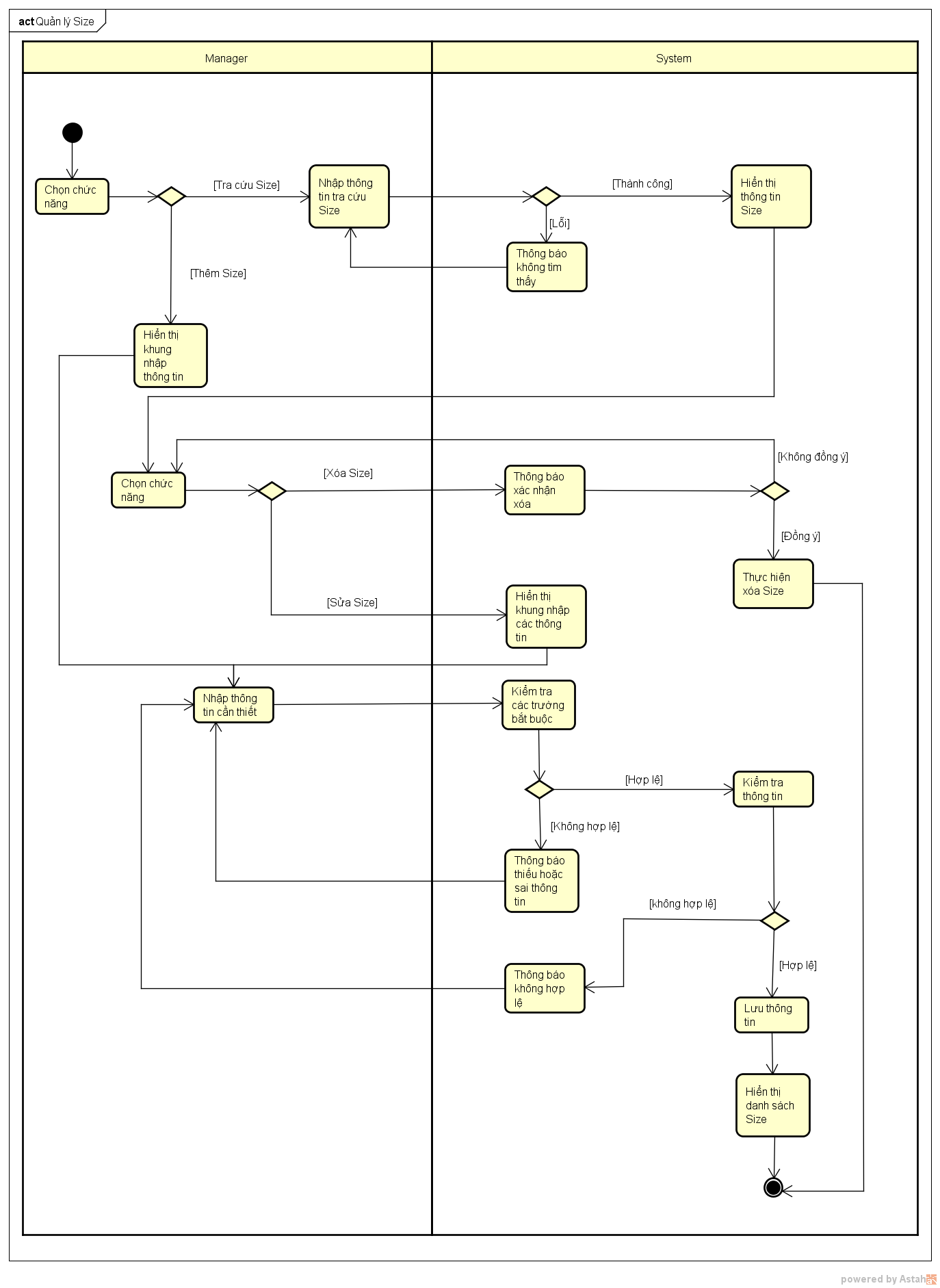
### 4.17 Quản lý size

4.17.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống.

- Quản lý thông tin size: tra cứu, thêm, xóa, sửa size.

4.17.2 Dòng sự kiện:



4.17.2.1 Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng tùy chọn chức năng trên loại size:

- (2) Chọn tra cứu thông tin size:

+ (2.1) Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm.

- (3) Chọn xóa size:

+ (3.1) Người dùng xác nhận xóa size.

+ (3.2) Hệ thống thưc hiện xóa size khỏi cơ sở dữ liệu.

- (4) Chọn thêm, sửa thông tin:

+ (4.1) Hệ thống hiển thị khung nhập các thông tin

+ (4.2) Người dùng nhập thông tin cần thiết.

+ (4.3) Hệ thống kiểm tra trường bắt buộc.

+ (4.4) Hệ thống kiểm tra thông tin.

+ (4.5) Hệ thống lưu thông tin size mới hoặc cập nhập thông tin size (Mã size, size, mô tả).

+ (4.6) Hệ thống hiển thị danh sách size.

4.17.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Lỗi khi tìm kiếm thông tin: Hệ thống thông báo lỗi.

- (2) Không đồng ý xóa size: Hệ thống trở về chọn chức năng.

- (3) Thông tin nhập không hợp lệ: Hệ thống thông báo và trở về chọn chức năng.

4.17.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Phải đăng nhập thành công với quyền quản lý hệ thống.

4.17.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Truy cập vào chức năng quản lý size.

4.17.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Thông tin được cập nhật xuống cơ sở dữ liệu.

- Nếu thất bại: Hệ thống hiển thị thông báo không thành công cho người dùng.

4.17.6 Điểm mở rộng

- Không có.

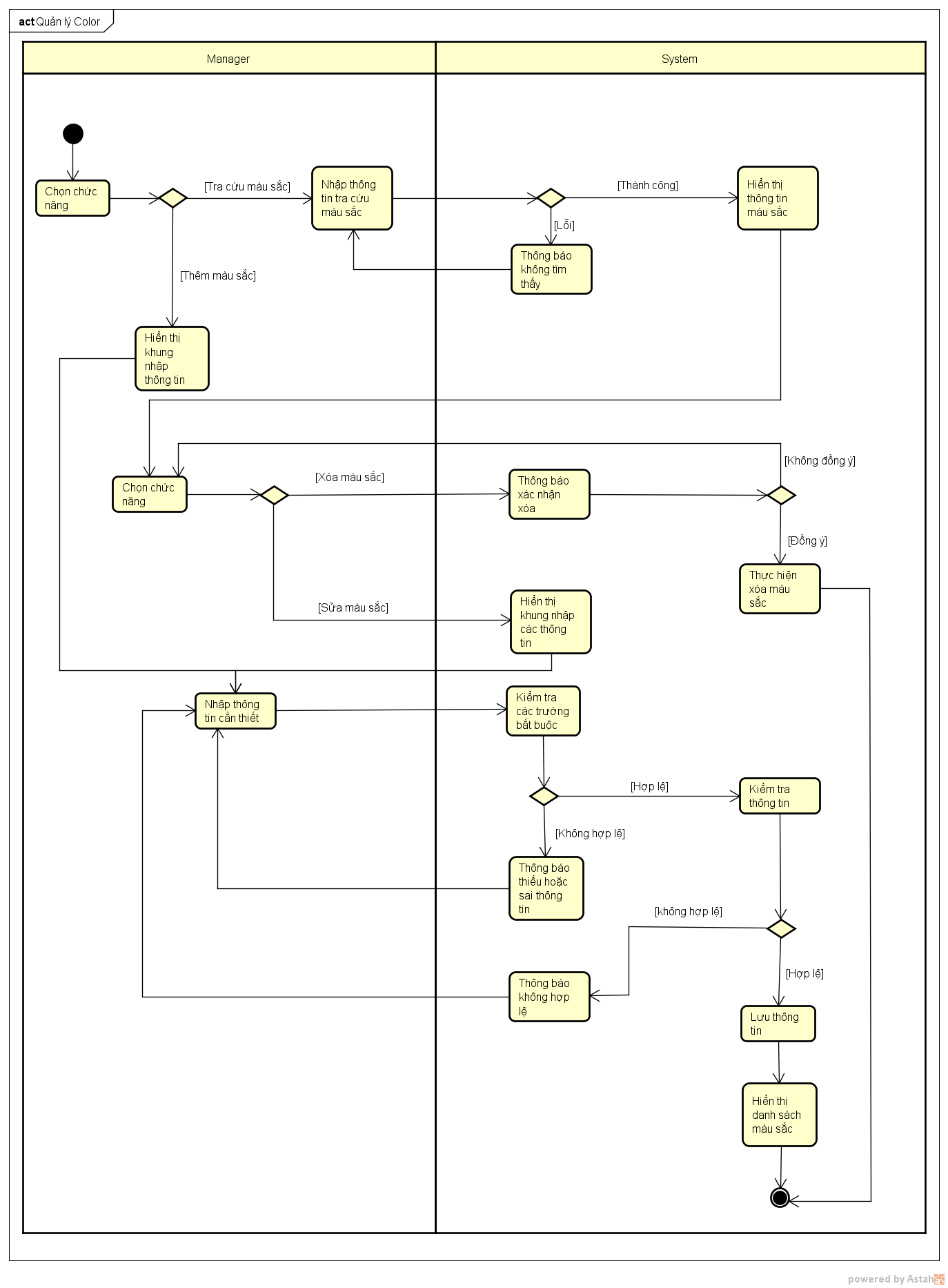
### 4.18 Quản lý color

4.18.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống.

- Quản lý thông tin các màu sắc: tra cứu, thêm, xóa, sửa màu sắc.

4.18.2 Dòng sự kiện:



4.11.2.1 Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng tùy chọn chức năng trên màu sắc:

- (2) Chọn tra cứu thông tin màu sắc:

+ (2.1) Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm.

- (3) Chọn xóa màu sắc:

+ (3.1) Ngườ dùng xác nhận xóa màu sắc

+ (3.2) Hệ thống thưc hiện xóa màu sắc khỏi cơ sở dữ liệu.

- (4) Chọn thêm, sửa thông tin:

+ (4.1) Hệ thống hiển thị khung nhập các thông tin

+ (4.2) Người dùng nhập thông tin cần thiết.

+ (4.3) Hệ thống kiểm tra trường bắt buộc.

+ (4.4) Hệ thống kiểm tra thông tin.

+ (4.5) Hệ thống lưu thông tin màu sắc mới hoặc cập nhập thông tin màu sắc (Mã màu, tên màu, mô tả).

+ (4.6) Hệ thống hiển thị danh sách màu sắc.

4.11.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Lỗi khi tìm kiếm thông tin: Hệ thống thông báo lỗi.

- (2) Không đồng ý xóa màu sắc: Hệ thống trở về chọn chức năng.

- (3) Thông tin nhập không hợp lệ: Hệ thống thông báo và trở về chọn chức năng.

4.18.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Phải đăng nhập thành công với quyền quản lý hệ thống.

4.18.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Truy cập vào chức năng quản lý màu sắc.

4.18.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Thông tin được cập nhật xuống cơ sở dữ liệu.

- Nếu thất bại: Hệ thống hiển thị thông báo không thành công cho người dùng.

4.18.6 Điểm mở rộng

- Không có.

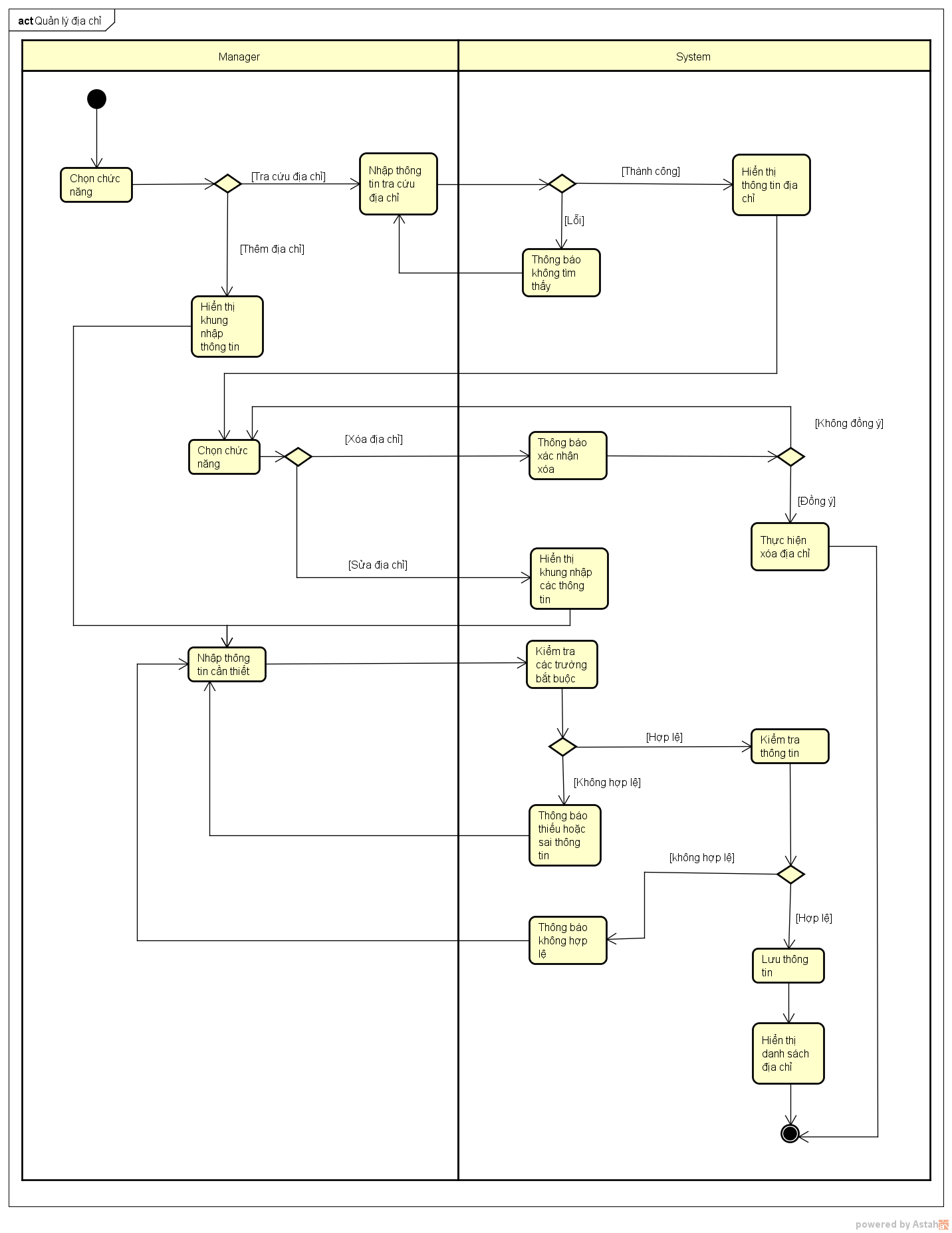
### 4.19 Quản lý địa chỉ

4.19.1 Tóm tắt:

- Người sử dụng: quản lý hệ thống.

- Quản lý thông tin địa chỉ: tra cứu, thêm, xóa, sửa địa chỉ.

4.19.2 Dòng sự kiện:



4.19.2.1 Dòng sự kiện chính:

- (1) Người dùng tùy chọn chức năng trên địa chỉ:

- (2) Chọn tra cứu thông tin địa chỉ:

+ (2.1) Hệ thống hiển thị kết quả tìm kiếm.

- (3) Chọn xóa địa chỉ:

+ (3.1) Người dùng xác nhận xóa địa chỉ.

+ (3.2) Hệ thống thưc hiện xóa địa chỉ khỏi cơ sở dữ liệu.

- (4) Chọn thêm, sửa thông tin:

+ (4.1) Hệ thống hiển thị khung nhập các thông tin

+ (4.2) Người dùng nhập thông tin cần thiết.

+ (4.3) Hệ thống kiểm tra trường bắt buộc.

+ (4.4) Hệ thống kiểm tra thông tin.

+ (4.5) Hệ thống lưu thông tin địa chỉ mới hoặc cập nhập thông tin địa chỉ (Mã thành phố, tên thành phố, mã quận, tên quận, mã phường, tên phường, mô tả).

+ (4.6) Hiển thị danh sách địa chỉ.

4.19.2.2 Dòng sự kiện khác

- (1) Lỗi khi tìm kiếm thông tin: Hệ thống thông báo lỗi.

- (2) Không đồng ý xóa địa chỉ: Hệ thống trở về chọn chức năng.

- (3) Thông tin nhập không hợp lệ: Hệ thống thông báo và trở về chọn chức năng.

4.19.3 Các yêu cầu đặc biệt

- Phải đăng nhập thành công với quyền quản lý hệ thống.

4.19.4 Trạng thái hệ thống khi bắt đầu thực hiện Use-case

- Truy cập vào chức năng quản lý địa chỉ.

4.19.5 Trạng thái hệ thống sau khi thực hiên Use-case

- Thông tin được cập nhật xuống cơ sở dữ liệu.

- Nếu thất bại: hiển thị thông báo không thành công cho người dùng.

4.19.6 Điểm mở rộng

- Không có.

# Bảng chú giải

## Giới thiệu

## Các định nghĩa

2.1. IsDelete: 1 - xóa khỏi hệ thông, 0 – chưa xóa.  
2.2 Color: màu sắt.

2.3 Size: Kích cở.

2.4 Custommer: Khách hàng.

2.5 System: Hệ thống.

2.6 Manager: Người quản lý hệ thống.

# Đặc tả bổ sung

## Mục tiêu

## Phạm vi

## Chức năng

## Tính khả dụng

## Tính ổn định

## Hiệu suất

## Sự hỗ trợ

Không có.

## Tính bảo mật

## Các ràng buộc thiết kế